

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2020/DS-PT

Ngày 11/5/2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Việt Minh

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Giàu

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Xanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2020/TLPT-DS ngày 11 tháng 02 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 48/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Lâm Thị Đ, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Số 382 đường C, khu phố 5, thị trấn N1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Xóm 4, Thôn 1, xã B, huyện L, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3. **Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:** Ông Ao Công T, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Số 382 đường C, khu phố 5, thị trấn N1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận (ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Lâm Thị Đ, theo văn bản ủy quyền ngày 24/6/2019). Vắng mặt.

4. Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị P, sinh năm 1962; Nơi cư trú: khu phố 5, thị trấn N1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

2. Chị Mai lệ N, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Số 508 đường C, Thị trấn N1, huyện H1, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

3. Anh Phạm Văn Vũ L, sinh năm 1994; Nơi cư trú: Thôn T2, xã S, huyện H1, tỉnh Bình Thuận; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Quang H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ trình bày:* Trên cơ sở giấy xác nhận hàng hóa công nợ lập ngày 01/12/2018, giấy xác nhận ghi ngày 30/01/2019, cùng với các biên bản làm việc, hòa giải tại UBND xã P1 bà Lâm Thị Đ xác định vào khoảng giữa năm 2018, ông Nguyễn Quang H có thỏa thuận với bà Đ về việc mua bán trái sầu riêng để cung cấp nguyên liệu đầu vào cho Công ty TNHH xuất nhập khẩu P2, có trụ sở tại Thôn 4, xã Tân Phúc, huyện H1, tỉnh Bình Thuận.

Giữa bà Đ và ông H thỏa thuận mua bán trái sầu riêng, bên bán là bà Đ và bên mua là ông H với đơn giá trung bình loại Thái là 41.000đ/1 kg, loại dạt là 37.000đ/ 1kg, kem là 12.000đ/1 kg. Từ ngày 15/8/2018 đến ngày 27/8/2018 số lượng đơn hàng trái sầu riêng bà Đ đã giao cho ông H với tổng số tiền bên mua (ông H) phải thanh toán là 2.520.316.000đ, giao hàng tại Công ty P2, bên nhận hàng là ông H và có sự kiểm tra hàng hóa của bộ phận kiểm tra Công ty P2. Ông H đã thanh toán cho bà Đ tiền mua hàng là 1.600.000.000đ, còn thiếu lại 920.316.000đ đến nay vẫn chưa thanh toán mặc dù bà Đ nhiều lần yêu cầu.

Việc mua bán trái sầu riêng được thực hiện giữa bà Đ với ông H và sau khi nhận đủ số lượng trái sầu riêng, ông H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua hàng. Bà Đ xác định bà và ông H thực hiện hợp đồng mua bán tài sản, nên ông H là người chịu trách nhiệm trả nợ, chứ bà Đ không trực tiếp giao dịch mua bán với Công ty TNHH xuất nhập khẩu P2.

- *Bị đơn ông Nguyễn Quang H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:*

Ông Nguyễn Quang H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Đ về việc buộc ông phải trả số tiền 920.316.000đ phát sinh từ hợp đồng mua bán tài sản. Ông H xác định trước đây do quen biết với bà Đ nên ông có giới thiệu bà Đ bán trái sầu riêng cho Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2, chứ ông không trực tiếp thực hiện giao dịch mua bán với bà Đ.

Thông qua việc giới thiệu này, ông H có ký vào giấy xác nhận hàng hóa và công nợ ghi ngày 01/12/2018 giữa bà Lâm Thị Đ với Công ty P2. Việc ông H ký giấy này là do bà Đ nhờ bà Phạm Thị P là mẹ nuôi của ông H tác động nhờ ông H

ký giúp để làm căn cứ sau này phát sinh tranh chấp thì bà Đ sẽ dùng giấy này khởi kiện đối với Công ty P2. Nhưng hiện nay bà Đ sử dụng giấy xác nhận này để khởi kiện đối với ông H thì ông bác bỏ căn cứ khởi kiện này, vì bà Đ khởi kiện không đúng đối tượng, bản thân ông H cũng không biết, không liên quan đến số nợ phát sinh từ hợp đồng mua bán trái sầu riêng giữa bà Đ và công ty P2 nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L đã quyết định:

Căn cứ Điều 5, Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Đ. Buộc ông Nguyễn Quang H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông Nguyễn Quang H có nghĩa vụ phải trả cho bà Lâm Thị Đ và ông Ao Công T số tiền 920.316.000đ (*chín trăm hai mươi triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/11/2019 bị đơn Nguyễn Quang H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người kháng cáo bị đơn Nguyễn Quang H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Nguyên đơn bà Lâm Thị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Về tố tụng: thành viên Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa và hai bên đương sự đã chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự

+ Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm khoản 4 Điều 68, Bộ luật Tố tụng dân sự khi không đưa Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 vào tham gia tố tụng. Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm ông H thừa nhận ông là người trung gian giới thiệu bà Đ bán hàng cho công ty, đồng thời còn cho Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 mượn tài khoản của mình để trả tiền cho bà Đ. Cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ số tiền mà Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 đã chuyển qua tài khoản của ông H để trả cho bà Đ nhưng lại buộc ông H phải trả cho bà Lâm Thị Đ và ông Ao Công T số

tiền 920.316.000 đồng là thiếu căn cứ. Những thiếu sót, vi phạm nêu trên của cấp sơ thẩm đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện L và giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2019, nguyên đơn đã đưa Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; đồng thời yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Quang H và Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 liên đới trả số tiền 920.316.000 đồng.

Tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn kiện là “*Giấy xác nhận hàng hóa và công nợ giữa bà Lâm Thị Đ và Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 (do ông Nguyễn Quang H Đại diện)*” lập ngày 01 tháng 12 năm 2018. Nội dung giấy xác nhận này thể hiện bên bán là bà Lâm Thị Đ, bên mua là Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2, loại hàng hóa mua bán là trái sầu riêng; số tiền bên mua đã thanh toán là 1.600.000.000 đồng, số tiền bên mua còn phải thanh toán là 920.316.000 đồng.

Tuy nhiên, trong Thông báo thụ lý vụ án số 166/TB-TLVS ngày 24 tháng 6 năm 2019, cũng như quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[2] Về nội dung: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, nguyên đơn xuất trình “*Giấy xác nhận hàng hóa và công nợ giữa bà Lâm Thị Đ và Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 (do ông Nguyễn Quang H Đại diện)*” lập ngày 01 tháng 12 năm 2018. Nội dung giấy xác nhận này thể hiện bên bán là bà Lâm Thị Đ, bên mua là Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2, loại hàng hóa mua bán là trái sầu riêng; số tiền bên mua đã thanh toán là 1.600.000.000 đồng, số tiền bên mua còn phải thanh toán là 920.316.000 đồng.

Tại Biên bản hòa giải do Ủy ban nhân dân xã P1 lập ngày 12/12/2018 và Biên bản do Ủy ban nhân dân xã P1 lập ngày 26/12/2018 cũng thể hiện, trong tháng 8/2018 giữa bà Lâm Thị Đ và Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 đã giao kết hợp đồng và đã mua bán trái sầu riêng với nhau qua trung gian là ông Nguyễn

Quang H;

Tại phiên tòa phúc thẩm, cả bà Lâm Thị Đ, ông Nguyễn Quang H và nhân chứng là bà Phạm Thị P đều thừa nhận “*Giấy xác nhận hàng hóa và công nợ giữa bà Lâm Thị Đ và Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2*” lập ngày 01 tháng 12 năm 2018 do chính bà Lâm Thị Đ soạn thảo sẵn sau đó bà Đ nhờ bà Phụng dẫn tới nhà ông H để nhờ ông H ký xác nhận. Nội dung giấy xác nhận này thể hiện bên bán là bà Lâm Thị Đ, bên mua là Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2.

Điều 430 Bộ luật dân sự quy định: “*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán*”. Trong giao dịch dân sự này bên bán được xác định là bà Lâm Thị Đ và bên mua là Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2. Nếu cho rằng bên mua chưa trả đủ tiền cho mình thì bà Đ phải khởi kiện Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 chứ không thể khởi kiện ông Nguyễn Quang H. Tuy nhiên, trong việc mua bán này, ông H là người trung gian, giới thiệu, đồng thời còn cho Công ty TNHH xuất nhập khẩu trái cây P2 mượn tài khoản của mình để trả tiền cho bà Đ nên cũng cần xác định ông H có liên quan đến việc mua bán giữa hai bên.

Do xác định sai tư cách chủ thể trong giao dịch dân sự, bỏ sót người tham gia tố tụng nên quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Quang H có nghĩa vụ phải trả cho bà Lâm Thị Đ và ông Ao Công T số tiền 920.316.000đ (chín trăm hai mươi triệu ba trăm mười sáu nghìn đồng) là thiếu căn cứ.

Những thiếu sót, vi phạm nêu trên của cấp sơ thẩm đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Cho nên, cần phải hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án sơ thẩm thụ lý, giải quyết lại là phù hợp.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 4 Điều 68, khoản 3 Điều 148, khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Quang H.

- Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 44/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” của Tòa án nhân dân huyện L.

- Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị hủy nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Quang H 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0027061 ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VÕ VIỆT MINH